ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ DÂN TIẾN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 58/TB-UBND	*Dân Tiến, ngày 05 tháng 10 năm 2023*

THÔNG BÁO
Về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước Quý 3 năm 2023 xã Dân Tiến

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND xã Dân Tiến về việc công khai dự toán ngân sách quý 3 năm 2023 xã Dân Tiến,

Uỷ ban nhân dân xã Dân Tiến thông báo:

Từ ngày 05 tháng 10 năm 2023 đến ngày 06 tháng 11 năm 2023 số liệu dự toán ngân sách nhà nước quý 3 năm 2023, xã Dân Tiến được công khai tại trụ sở UBND xã Dân Tiến và trang thông tin điện tử: http://dantien.vonhai.thainguyen.gov.vn/

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2023 theo quy định, tổ chức, cá nhân có ý kiến, kiến nghị đề nghị liên hệ qua số điện thoại cá nhân hoặc đến trụ sở UBND xã để được giải quyết; Điện thoại tiếp nhận thông tin phản ánh, đóng góp:

Số điện thoại chủ tịch UBND xã: 0979086517;

Số điện thoại kế toán xã: 0917 304 305;

Số điện thoại văn phòng UBND xã: 0985618333

Quá thời gian thông báo công khai trên mọi ý khiến nại, phản ánh sẽ không được giải quyết./.

Nơi nhận:
- Phòng Tài chính kế hoạch huyện;
- TTĐU; TTHĐND xã;
- Đ/c CT, đ/c PCT UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP, KT.

CHỦ TỊCH

Trần Lê Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ DÂN TIẾN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 208/QĐ-UBND	*Dân Tiến, ngày 05 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước Quý 3 năm 2023 xã Dân Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DÂN TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND, ngày 19/12/2022 về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước huyện Võ Nhai năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Dân Tiến về phân bổ dự toán ngân sách năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước quý 3 năm 2023 Xã Dân Tiến.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND xã; Mặt trận tổ quốc và ban ngành đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (T/h);
- Phòng Tài chính kế hoạch huyện;
- TTĐU; TTHĐND xã;
- Đ/c CT, đ/c PCT UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP, KT.

CHỦ TỊCH

Trần Lê Dũng

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ DÂN TIẾN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN
Về việc công khai số liệu thu, chi ngân sách quý 3 năm 2023

Hôm nay vào hồi 9 giờ 00 ngày 05 tháng 10 năm 2023, tại UBND xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên,

I. Thành phần

1. Ông: Đặng Văn Tuân - Bí thư Đảng Ủy
2. Ông Hà Hữu Việt - PCT HĐND xã;
3. Ông: Trần Lê Dũng - Chủ tịch UBND xã;
4. Ông: Dương Thị Bộ - Kế toán xã;
5. Ông: Nguyễn Quốc Dương - Văn Phòng UBND xã;
6. Ông Ngô Văn Tạo - Chủ tịch UB MTTQ xã

- Ông: Trần Lê Dũng Chủ tịch UBND - Chủ trì
- Ghi biên bản: Nguyễn Quốc Dương - Văn Phòng HĐND-UBND xã

II. Nội dung; Lập biên bản công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách xã Dân Tiến quý 3 năm 2023.

Căn cứ thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách Nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND, ngày 19/12/2022 về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước huyện Võ Nhai năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Dân Tiến về phân bổ dự toán ngân sách năm 2023.

Ngày 05/10/2023 UBND xã Dân Tiến đã ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND về việc công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách xã Dân Tiến quý 3 năm 2023. *(Có biểu kèm theo)*

Nay UBND xã Dân Tiến, tiến hành công khai số liệu thu, chi quý 3 năm 2023 như sau:

Thời gian niêm yết công khai 30 ngày liên tục kể từ ngày 05/10/2023

Địa điểm và hình thức công khai: Tại bảng công khai trụ sở UBND xã Dân Tiến và trên trang thông tin điện tử xã Dân Tiến: **dantien.vonhai.thainguyen.gov.vn**

Điện thoại tiếp nhận thông tin phản ánh, đóng góp ý kiến:

Máy bàn: 02083827784

Số điện thoại di động Chủ tịch UBND xã: 0979086517;

Số điện thoại di động kế toán xã: 0917 304 305;

Số điện thoại di động VP HĐND-UBND: 0985618333

Biên bản kết thúc vào lúc 11 giờ cùng ngày, được lập thành 03 bản có giá trị như nhau *(01 bản gửi HĐND xã, 01 bản lưu UBND xã, 01 bản lưu hồ sơ ngân sách xã)* được đọc cho các thành phần có tên cùng nghe và nhất trí thông qua./.

NGƯỜI LẬP	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN	TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH
Nguyễn Quốc Dương	KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH Hà Hữu Việt	Trần Lê Dũng

UBND Xã: Dận Tiến

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**9255888000**		**9255888000**	**2753718171**	**1026121000**	**1727597171**	**29,75**		**18,66**
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	847585000		847585000	94100475		94100475	11,1		11,1
	Chi dân quân tự vệ	448130000		448130000	48281200		48281200	10,77		10,77
	Chi trật tự an toàn xã hội	399455000		399455000	45819275		45819275	11,47		11,47
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	31000000		31000000						
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục, thể thao	22000000		22000000	227623500	227623500		1034,65		
7	Chi bảo vệ môi trường	40000000		40000000						
8	Chi các hoạt động kinh tế	2018442000		2018442000	1105446900	798497500	306949400	54,77		15,21
	Giao thông				1105446900	798497500	306949400			
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	2018442000		2018442000						
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6134861000		6134861000	1222771821		1222771821	19,93		19,93
	Hội khuyến học	20000000		20000000	4023000		4023000	20,12		20,12
	Hội người cao tuổi	25000000		25000000	5989800		5989800	23,96		23,96
	Trong đó: Quỹ lương				825427300		825427300			
	Quản lý Nhà nước	4271861000		4271861000	772824521		772824521	18,09		18,09
	Đảng Cộng sản Việt Nam	700000000		700000000	149890800		149890800	21,41		21,41
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	443000000		443000000	88115500		88115500	19,89		19,89
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	145000000		145000000	39479900		39479900	27,23		27,23

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	190000000		190000000	52854000		52854000	27,82		27,82
	Hội Cựu chiến binh	140000000		140000000	38843100		38843100	27,75		27,75
	Hội Nông dân	167000000		167000000	44557000		44557000	26,68		26,68
	Hội chữ thập đỏ	33000000		33000000	26194200		26194200	79,38		79,38
10	Chi cho công tác xã hội	49000000		49000000	9675000		9675000	19,74		19,74
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	39000000		39000000	4675000		4675000	11,99		11,99
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	10000000		10000000	5000000		5000000	50		50
	Khác									
11	Chi khác				94100475		94100475			
	Chi khác									
	Chi khác									
12	Dự phòng	113000000		113000000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên									

UBND Xã: Dân Tiến **Biểu số 113/CK TC - NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**6269000000**	**4235817260**	**67,57**
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	60000000	48155000	80,26
2	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ**	**6209000000**	**2876662260**	**46,33**
3	**Thu bổ sung**		**1311000000**	
	- Bổ sung cân đối ngân sách	*5245000000*	*1311000000*	*25*
	- Bổ sung có mục tiêu	*336000000*	*84000000*	*25*
4	Thu chuyển nguồn			
II	**TỔNG SỐ CHI**	**27674664000**	**3351521971**	**12,11**
1	Chi đầu tư phát triển		798497500	
2	Chi thường xuyên	27561664000	2553024471	9,26
3	**Dự phòng**	**113000000**		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách
địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

UBND Xã: Dân Tiến

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	**445000000**	**5783000000**	**1532336278**	**1481662260**	**344,35**	**25,62**
I	**Các khoản thu 100%**	**60000000**	**60000000**	**51287190**	**50765000**	**85,48**	**84,61**
	Tịch thu khác			2610000	2610000		
1	Phí, lệ phí	35000000	35000000	22655000	22655000	64,73	64,73
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	25000000	25000000	26022190	25500000	104,09	102
	Tăng thu						
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**385000000**	**142000000**	**86049088**	**35897260**	**22,35**	**25,28**
	9. Tiền chậm nộp các khoản điều tiết 100% ngân sách địa phương						
1	Các khoản thu phân chia	50000000	35000000	14134206	6890345	28,27	19,69
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			853520			
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	20000000	20000000	500000	500000	2,5	2,5
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	30000000	15000000	12780686	6390345	42,6	42,6
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	335000000	107000000	71914882	29006915	21,47	27,11
	Thuế giá dịch vụ						
21	Thu tiền sử dụng đất	100000000	45000000				
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	110000000		13901094		12,64	
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	125000000	62000000	58013788	29006915	46,41	46,79

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**						
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**		**5581000000**	**1395000000**	**1395000000**		**25**
1	Thu bổ sung cân đối		5245000000	1311000000	1311000000		25
2	Thu bổ sung có mục tiêu		336000000	84000000	84000000		25